

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 114 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Hùng

Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lai Thị Ngọc B, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp H, xã H, tỉnh An Giang. CCCD số 075301019544

Chỗ ở hiện nay: 243/27/68/2 M, B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lê Dương T, sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ H, ấp H, xã H, tỉnh An Giang. CMND số 352371971

(chị Ngọc B, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu nhau thì có tổ chức lễ cưới năm 2019, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 16/7/2019. Sau đó cả hai cùng đi làm ở Bình Dương, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn chơi, cá độ, không lo làm ăn tự tập theo bạn bè ăn chơi nghiện ngập, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, không có tiếng nói chung và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và anh T có sử dụng ma túy, chị B khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh không từ bỏ được, đến ngày 26/7/2024 anh T bị bắt tạm giam đến ngày 21/3/2025 bị kết án phạt tù. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị B yêu cầu ly hôn với anh Lê Dương T.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/9/2017. Nay ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nhưng có văn bản thể hiện ý kiến trình bày tại phiên hoà giải và công khai chứng cứ thống nhất ly hôn, con chung giao chị B nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lai Thị Ngọc B và ông Lê Dương T, con chung tên Lê Thị Ngọc Y giao do chị Ngọc B nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có yêu cầu vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tìm hiểu quen nhau tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 16/7/2019 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp (nay là UBND xã H, tỉnh An Giang) là hôn nhân hợp pháp. Chị Ngọc B cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm là do anh T không lo làm ăn, cờ bạc nghiện ngập, chị đã nhiều lần khuyên ngăn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thay đổi, cả hai đã ly thân từ giữa năm 2024 đến nay. Quá trình tố tụng, anh T thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn theo nội dung biên bản làm việc ngày 04/8/2025 tại Trại giam S.

[2.2] Về con chung: con chung hiện đang sống với chị Ngọc B, để đảm bảo môi trường phát triển của cháu tiếp tục giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngọc B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lai Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lai Thị Ngọc B và anh Lê Dương T

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/9/2017, cho chị Ngọc B được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Anh Lê Dương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lai Thị Ngọc B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị B trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: chị Lai Thị Ngọc B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012090 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng THADS khu vực 12 - An Giang). Còn lại 150.000 đồng hoàn lại cho bà Ngọc B. Anh Lê Dương T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh An Giang
- UBND xã Hoà Lạc, tỉnh An Giang
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc